

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022.

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Võ Văn Trường.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện  
Châu Thành – Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên  
tòa:**

Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu  
Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:  
15/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
100/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa  
số: 56/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Lệ T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu  
Giang.

Bà Đinh Thị Lệ T ủy quyền cho ông Lê Khả Đ, sinh năm 1958 (có mặt) địa  
chỉ: số 02 dãy B, đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ. Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2021.

*Bị đơn:* Ông Đinh Công B, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Huỳnh Thanh Q, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

3/ Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn Ú (có mặt) – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang. Văn bản ủy quyền số 1433/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 24/6/2022.

Địa chỉ: số 03 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu vực 4, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Lê Khả Đ trình bày:

Vào ngày 02/4/2019 nguyên đơn có nhận chuyển nhượng đất của bị đơn diện tích 1000m<sup>2</sup> đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY253767/CH01749, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 35 cấp ngày 17/7/2015 cho bị đơn. Đến ngày 05/5/2020 nguyên đơn và bị đơn có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, lý do chuyển nhượng mà làm hợp đồng tặng cho là để không phải đóng thuế. Giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng nguyên đơn đã giao đủ cho bị đơn. Nguyên đơn cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CV263088/CS04655 diện tích 1002.5m<sup>2</sup>, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35, cấp ngày 29/5/2020. Khi đo đạc cấp giấy cho nguyên đơn cán bộ đo đạc lấy số đo trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có đo đạc thực địa, đưa vào mảnh trích đo và tiến hành cấp giấy cho nguyên đơn. Nên thực tế đất của nguyên đơn bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp cụ thể: cạnh dài cạnh giáp bị đơn theo giấy được cấp ghi 123.6m, nhưng thực tế đo chỉ 95m, chiều dài cạnh giáp

kênh thủy lợi theo giấy ghi 124.6m nhưng thực tế đo chỉ có 89.59m, ngang sau theo giấy ghi 11.1m nhưng thực tế đo chỉ 9.16m. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giao đủ đất theo mua bán là 1002.5m<sup>2</sup>.

Bị đơn Đinh Công B trình bày: Không nhớ ngày, tháng, năm chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, bị đơn nhớ chuyển nhượng đất cho nguyên đơn là 1000m<sup>2</sup> với giá là 400.000.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền và cũng đã giao đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, do nguyên đơn tự đi làm. Phần đất là chuyển nhượng không phải tặng cho, lý do làm hợp đồng tặng cho là do nguyên đơn là chị ruột của bị đơn nên làm hợp đồng tặng cho cho nhẹ việc đóng thuế. Yêu cầu đo đạc lại phần đất cả nguyên đơn nếu thiếu không đủ diện tích 1002.5m<sup>2</sup> đất, thì bị đơn sẽ giao cho đủ nguyên đơn phần đất còn thiếu cho đủ diện tích 1002.5m<sup>2</sup> đất như mua bán.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Nguyên đơn là chị ruột của bị đơn, Nguyễn Thị B là vợ của bị đơn, không nhớ ngày, tháng, năm nào chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, nhưng chuyển nhượng đất cho nguyên đơn là 1002.5m<sup>2</sup> đất với giá là 400.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn và bị đơn cũng đã giao đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất là chuyển nhượng nhưng làm hợp đồng tặng cho là để nguyên đơn nhẹ đóng thuế. Hiện tại đất nguyên đơn còn thiếu không đủ 1002.5m<sup>2</sup> đất, thì đo đạc lại phần đất của nguyên đơn, nếu thiếu thì sẽ giao đủ đất cho nguyên đơn cho đủ diện tích 1002.5m<sup>2</sup> đất như mua bán.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Q đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ú trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655 diện tích 1002.5m<sup>2</sup>, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35, cấp ngày 29/5/2020 cho nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Việc cán bộ chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ông Nguyễn Văn T chỉ đo đạc chiều ngang mà không đo đạc thực tế chiều dài đất, chỉ lấy chiều dài trên bản đồ là không đúng. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655, cấp ngày 29/5/2020 cho nguyên đơn có đúng quy định không thì ông Lê Văn Ú chưa thể khẳng định được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tự nguyện giao thêm phần đất cho nguyên đơn cho đủ diện tích 1002.5m<sup>2</sup>. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền giá trị cây trồng 32.870.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định và định giá.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao phần đất còn thiếu khoảng 350m<sup>2</sup> cho đủ phần đất theo như chuyển nhượng là 1002.5m<sup>2</sup>. Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do bị đơn và vị trí đất tranh chấp tại ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao thêm 350m<sup>2</sup> đất cho đủ diện tích chuyển nhượng là 1002.5m<sup>2</sup>. Theo đo đạc thực tế phần đất nguyên đơn sử dụng ổn định diện tích 681.4m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 632.6m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 48.8m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, phần tranh chấp bị đơn quản lý, sử dụng 321.1m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 15.7m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 305.4m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, theo mảnh trích đo địa chính số 142/2022 ngày 31/3/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín phát, được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xác nhận

ngày 04/3/2022. Xét về giấy sang đất ngày 02/4/2019, nội dung bị đơn chuyển nhượng cho nguyên đơn 1000m<sup>2</sup> đất với giá 400.000.000 đồng, nguyên đơn đã giao đủ số tiền cho bị đơn 400.000.000 đồng và bị đơn cũng đã giao đất cho nguyên đơn. Nhưng đến ngày 05/5/2020 nguyên đơn và bị đơn làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, diện tích 1002.5m<sup>2</sup>, thửa đất số 137 (tách từ thửa đất số 26), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH01749 cấp ngày 17/7/2015. Như vậy xét việc chuyển nhượng đất của bị đơn và nguyên đơn là có thật. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655 diện tích 1002.5m<sup>2</sup>, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35, cấp ngày 29/5/2020 của nguyên đơn, thực tế khi đo đạc còn thiếu ngoài thực địa 321.1m<sup>2</sup> cụ thể là vị trí số (2) phần đất diện tích 321.1m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 15.7m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 305.4m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35 theo mảnh trích đo địa chính số 142/2022 ngày 31/3/2022. Như vậy thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655 diện tích 1002.5m<sup>2</sup>, thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35, cấp ngày 29/5/2020 cấp không đúng với hiện trạng thực tế sử dụng đất của đương sự. Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn Tăng bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất ngày 19/4/2020 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 20/4/2020. Các số liệu chiều dài cạnh thửa đất ghi trong bản mô tả và phiếu xác nhận là căn cứ vào chiều dài cạnh thửa ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY253767/CH01749, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 35 cấp ngày 17/7/2015 cho bị đơn. Do tin tưởng vào việc đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn vào năm 2015 là chính xác, nên không có đo đạc thực tế. Tại công văn số 689/VPĐKĐĐ-ĐKCGCN ngày 14/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang xác định: *“Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV263088/CS04655, cấp ngày 29/5/2020 cho bà Đinh Thị Lệ T. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 98, điểm c khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 188 luật đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 23/2020 quyền số 01/2020 TP/CC-SCT/HĐ,GD ngày 05/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu chứng thực; Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất do bà Đinh Thị Lệ T ký ngày 20/4/2020. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp giữa bà Đinh Thị Lệ Thu và ông Đinh Công B do Tòa án đo đạc đây là việc tự thỏa thuận giữa các bên để thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất.*

*Việc tặng cho là do bà Đinh Thị Lệ T và ông Đinh Công B tự thỏa thuận thống nhất ranh, mốc giới đất và lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Quá trình thụ lý, giải quyết bị đơn ông Đinh Công B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, thống nhất nếu đo đạc thực tế đất của nguyên đơn còn thiếu ngoài thực địa, do hình thể cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không đúng so với thực địa. Thì bị đơn ông Đinh Công B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B sẽ giao thêm đất cho đủ với diện tích chuyển nhượng là 1002.5m<sup>2</sup> đất. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giao thêm cho nguyên đơn phần đất tại vị trí số (2) phần đất diện tích 321.1m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 15.7m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 305.4m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, theo mảnh trích đo địa chính số 142/2022 ngày 31/3/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín phát, được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xác nhận ngày 04/3/2022. Và đề nghị đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655, cấp ngày 29/5/2020 cho bà Đinh Thị Lệ T. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.*

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 166, 167, 188 luật đất đai năm 2013.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn ông Đinh Công B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B giao cho nguyên đơn bà Đinh Thị Lệ T và ông Huỳnh Thanh Q, phần đất diện tích tại vị trí số (2) phần đất diện tích 321.1m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 15.7m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 305.4m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, theo mảnh trích đo địa

chính số 142/2022 ngày 31/3/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín phát, được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xác nhận ngày 04/3/2022.

1.2/ Bà Đinh Thị Lệ T và ông Huỳnh Thanh Q có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, phần đất theo đo đạc thực tế phần đất nguyên đơn sử dụng ổn định diện tích 681.4m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 632.6m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 48.8m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, phần tranh chấp bị đơn quản lý, sử dụng 321.1m<sup>2</sup> (trong đó diện tích 15.7m<sup>2</sup> thửa đất số 137, diện tích 305.4m<sup>2</sup> diện tích 136) tờ bản đồ số 35, theo mảnh trích đo địa chính số 142/2022 ngày 31/3/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín phát, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xác nhận ngày 04/3/2022. *(có hồ sơ kỹ thuật kèm theo)*

1.3/ Bị đơn ông Đinh Công B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY253767/CH01749, cấp ngày 17/7/2015, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

1.4/ Đề nghị đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655, cấp ngày 29/5/2020 cho bà Đinh Thị Lệ T. Bà Đinh Thị Lệ T có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV263088/CS04655, cấp ngày 29/5/2020, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và ông Huỳnh Thanh Q tự nguyện trả lại giá trị cây trồng trên đất tranh chấp cho ông Đinh Công B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B số tiền 32.870.000 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

3/ Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số

0010170 ngày 09/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, thành án phí nguyên đơn không phải nộp thêm.

Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền chi phí thẩm định, định giá là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) nguyên đơn đã nộp xong.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

6/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Nhân**